TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 585/2026/DS-ST
Ngày: 20/4/2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Ký.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Hưng

Bà Trần Thị Mai Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Khôi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1166/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2026/QĐXXST-DS ngày 03/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 241/2026/QĐST-DS ngày 26/3/2026, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần K1.

Trụ sở: 40-42-44 Phạm Hồng T, phường R, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên hệ: I, đường C, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hồng Thế D – có đơn xin vắng mặt.

(Văn bản ủy quyền số 198/QĐ-NHKL ngày 10/02/2025).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đỗ Anh K, sinh năm: 1986 – vắng mặt.

Địa chỉ: 1 B, khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần K1 trình bày:

Theo Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế K2 số 20017220000100 ngày 08/8/2017, thể hiện bị đơn ông Nguyễn Đỗ Anh K được nguyên đơn cấp thẻ tín dụng với hạn mức là: 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp các thẻ nêu trên, bị đơn đã thực hiện các giao dịch và đã thanh toán cho nguyên đơn được 88.469.503 đồng gốc và 16.167.766 đồng tiền lãi, số tiền còn lại không thanh toán dù nguyên đơn đã nhiều lần có văn bản yêu cầu. Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bị đơn và chuyển toàn bộ dư nợ còn lại sang nợ quá hạn.

Nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán 01 lần, tổng số tiền tạm tính đến ngày 20/4/2026 là: 216.253.438 đồng; Trong đó, số tiền nợ gốc là: 46.683.496 đồng, lãi trong hạn là 81.806.881 đồng, lãi quá hạn là: 47.640.025 đồng và lãi chậm trả là 40.123.036 đồng. Bị đơn còn phải chịu lãi phát sinh tính từ ngày 21/4/2026 cho đến khi trả hết số tiền còn nợ.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Đỗ Anh K đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo và triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: Đúng trình tự, thủ tục pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả tiền theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

Căn cứ theo kết quả trả lời xác minh của Công an phường A, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 15/12/2025 thể hiện bị đơn không thường trú, không tạm trú và không thực tế cư trú tại phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo xác minh của Công an xã A, tỉnh Đồng Tháp thể hiện bị đơn có đăng ký thường trú tại địa phương nhưng không cư trú tại địa chỉ đăng ký thường trú.

Căn cứ theo hợp đồng thể hiện bị đơn có ghi địa chỉ cư trú tại phường A, Thành phố Hồ Chí Minh, Như vậy, việc bị đơn bỏ đi khỏi địa phương, thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không

thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại Khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ.

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; điểm a Khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Căn cứ theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Về chứng cứ:

Tại Khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 quy định: "Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp".

Tại Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 quy định: "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc".

Do đó, Tòa án giải quyết vụ kiện theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[4] Về yêu cầu của đương sự:

[4.1] Xét tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng:

Căn cứ theo hợp đồng tín dụng ngày 08/8/2017 thể hiện bị đơn được cấp thẻ tín dụng với tổng hạn mức là: 50.000.000 đồng.

Nguyên đơn là pháp nhân được quyền ký kết các hợp đồng tín dụng theo giấy phép đăng ký kinh doanh. Bị đơn giao kết hợp đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Hợp đồng được lập thành văn bản và có chữ ký của các bên. Căn cứ theo quy định tại các điều 117, 118, 119 và 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm

2017, hợp đồng nêu trên là hợp pháp, phù hợp về hình thức và nội dung, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên theo nội dung các thỏa thuận.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm việc thanh toán, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán khoản nợ nhưng không được thực hiện nên khởi kiện ra Tòa án yêu cầu bị đơn phải thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật đối với số tiền nợ gốc và lãi còn lại là có căn cứ.

[4.2] Về số tiền nợ gốc của hợp đồng:

Hạn mức sử dụng thẻ là 50.000.000 đồng, bị đơn đã thực hiện các giao dịch và đã thanh toán được số tiền gốc là 88.469.503 đồng nhưng sau đó không thanh toán tiếp dù nguyên đơn đã nhiều lần có văn bản yêu cầu. Điều này phù hợp với bảng kê chi tiết giao dịch của khách hàng, bảng tóm tắt sao kê.

Do đó, nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bị đơn và chuyển toàn bộ dư nợ còn lại là 46.683.496 đồng sang nợ quá hạn.

Xét bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu trả nợ gốc trên của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3] Về số tiền lãi quá hạn:

Lãi suất theo thỏa thuận giữa các bên là 2,33%/tháng và lãi suất nợ quá hạn tính bằng 150% của lãi suất thỏa thuận. Căn cứ theo Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".

Xét thấy việc thỏa thuận lãi giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Qúa trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã thanh toán được số tiền lãi là 16.167.766 đồng. Kể từ ngày chuyển nợ quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm, số tiền lãi bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn là 169.569.942 đồng, trong đó lãi trong hạn là 81.806.881 đồng, lãi quá hạn là 40.123.036 đồng và lãi chậm trả là 47.640.025 đồng, nên yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán các khoản tiền lãi của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 144, Khoản 1 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào các điều 117, 118, 119 và 463 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Luật phí, lệ phí năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 và năm 2022;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần K1.

1.1. Buộc bị đơn ông Nguyễn Đỗ Anh K phải thanh toán một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K1, số tiền gốc và lãi còn nợ tạm tính đến ngày 20/4/2026, theo Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế K2 số 20017220000100 ngày 08/8/2017, tổng cộng là: 216.253.438 (hai trăm mười sáu triệu hai trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm ba mươi tám) đồng; Trong đó, số tiền nợ gốc là: 46.683.496 (bốn mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm chín mươi sáu) đồng, lãi trong hạn là 81.806.881 (tám mươi mốt triệu tám trăm lẻ sáu nghìn tám trăm tám mươi mốt) đồng, lãi quá hạn là: 47.640.025 (bốn mươi bảy triệu sáu trăm bốn mươi nghìn lẻ hai mươi lăm) đồng và lãi chậm trả là 40.123.036 (bốn mươi triệu một trăm hai mươi ba nghìn lẻ ba mươi sáu) đồng.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là: 10.812.672 (mười triệu tám trăm mười hai nghìn sáu trăm bảy mươi hai) đồng, bị đơn chịu.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là: 5.010.501 (năm triệu không trăm mười nghìn năm trăm lẻ một) đồng, theo biên lai số 0039324 ngày 18/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 và năm 2022 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 7, Tp.HCM;
- THADS Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Minh Ký